

Số: 153/CV-PTIC

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v: Giải trình chênh lệch và phương án khắc phục ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2019

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Trước hết Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý Ủy ban và Quý Sở đã nhiệt tình hỗ trợ Công ty chúng tôi công bố thông tin trong thời gian qua.

- Tên công ty : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN (PTIC)
- Người đại diện: Nguyễn Công Khởi
- Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Mã CP: PTC niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 V/v: Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện đã gửi báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh do Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C – chi nhánh Hà Nội phát hành. PTIC xin giải trình nguyên nhân chênh lệch số liệu trước và sau kiểm toán, một số ý kiến kiểm toán ngoại trừ và chênh lệch kết quả sản xuất kinh doanh như sau:

1. Sai lệch một số chỉ tiêu trong bảng cân đối kế toán và kết quả kinh doanh do các nguyên nhân sau:

STT	Chỉ tiêu	Trước kiểm toán	Sau kiểm toán	Chênh lệch	Nguyên nhân
A	Bảng cân đối kế toán				
1	Phải thu ngắn hạn khách hàng	29,664,328,214	20,612,774,245	9,051,553,969	Do bù trừ KH có công nợ 131 và 331
2	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	36,255,495,931	43,913,615,974	7,658,120,043	Do bù trừ KH có công nợ 138 và 338
3	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-50,828,639,856	-50,271,713,615	556,926,241	Do hoàn nhập 1 số công nợ đã trích lập các năm trước
4	Đầu tư vào công ty liên danh, liên kết	112,837,812,367	118,421,635,352	5,583,822,985	Do điều chỉnh giá gốc khoản đầu tư
5	Hàng tồn kho	10,477,609,115	10,177,014,497	-300,594,618	Do điều chỉnh lỗ nội bộ giá trị hàng tồn kho bán giữa các đơn vị phụ thuộc ở công ty mẹ
6	Thuế và các khoản phải thu NN	2,044,586,260	156,733,223	1,887,853,037	Do điều chỉnh theo BB quyết toán thuế của CN HCM
7	Phải trả người bán ngắn hạn	10,309,627,144	9,622,044,941	-687,582,203	Do bù trừ KH có công nợ 131 và 331
8	Người mua trả tiền trước	2,265,526,260	3,209,961,767	944,435,507	Do bù trừ công nợ phải thu khách hàng và người mua trả tiền trước
9	LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	-66,184,275,957	-60,108,208,830	6,076,067,127	Do điều chỉnh giá gốc khoản đầu tư

10	LNST chưa phân phối kỳ này	24,762,840,833	23,202,652,577	1,560,188,256	do sự thay đổi các yếu tố trên
B	Bảng kết quả kinh doanh				
1	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,586,452,367	1,048,548,990	-537,903,377	Do hoàn nhập 1 số công nợ đã trích lập các năm trước
2	Chi phí khác	568,016,547	2,630,213,862	2,062,197,315	Do điều chỉnh theo BB quyết toán thuế của CN HCM khoản phạt chậm nộp thuế
3	Lợi nhuận khác	-93,471,999	-2,155,669,313	2,062,197,315	Do sự thay đổi các yếu tố trên
4	Lợi nhuận trước thuế	24,777,975,485	23,227,397,964	1,550,577,521	Do sự thay đổi các yếu tố trên

2. Một số ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

“Tại thời điểm lập báo cáo này, Chúng tôi chưa thu thập đầy đủ xác nhận hoặc kiểm tra bằng các thủ tục kiểm toán thay thế đối với số dư các khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng, trả trước cho người bán ngắn hạn, phải thu ngắn hạn khác, phải trả người bán ngắn hạn và người mua trả tiền trước ngắn hạn, phải trả ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2019 của Công ty”

Giải trình của PTIC: Do số lượng khách hàng và đối tác của Công ty PTIC lớn (mấy trăm khách hàng) bao gồm cả cá nhân và công ty. Khi chúng tôi gửi đối chiếu công nợ có những cá nhân, đơn vị thay đổi địa chỉ kinh doanh và số điện thoại dẫn đến khó khăn trong công tác đối chiếu công nợ.

“Chúng tôi chưa được tiếp cận với các hồ sơ ghi nhận giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 và thời điểm 30 tháng 6 năm 2019, với giá trị được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán lần lượt là 7.169.829.909 VND và 4.075.257.524 VND do các chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đã phát sinh lâu ngày. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, Chúng tôi chưa thể đưa ra ý kiến về tính hiện hữu về khoản mục này. Do đó chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đã được ghi nhận cũng như các yếu tố liên quan của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ”.

Giải trình của PTIC: Do Công ty PTIC thi công rất nhiều các công trình với các chủ đầu tư khác nhau, thời gian thi công kéo dài, có những công trình từ năm 2012 tới nay, với nhiều chi nhánh miền Nam, miền Trung và Hà Nội. Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018, yêu cầu tập hợp hóa đơn, chứng từ các công trình còn dở dang trên từ khi thi công, tuy nhiên do thời gian yêu cầu cung cấp hồ sơ quá ngắn (yêu cầu ngày 1/4/2019), số liệu kéo dài qua các năm chúng tôi chưa đáp ứng kịp yêu cầu này của kiểm toán. Các chi phí kinh doanh dở dang trên đều được tạo thành từ các chứng từ (nguyên vật liệu, ca

34-
 (Y
 N
 Y DUN
 EN
 -TP)

máy, phí bảo lãnh...và chi phí nhân công) đều đã được thanh tra thuế và các đơn vị kiểm toán trước khẳng định số liệu đúng đắn và chính xác

“Công ty Cổ phần PTIC – ZTE Công nghệ Viễn thông (Công ty con của Công ty, sau đây gọi tắt là “Công ty PTZ”) đã dừng hoạt động từ năm 2017 và không lập Báo cáo tài chính từ năm 2018. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty PTZ, với tổng giá trị tài sản ngắn hạn là 8.214.666.472 VND, tổng giá trị tài sản dài hạn là 6.997.349.733 VND, tổng công nợ phải trả là 13.552.134.581 VND. Do đó chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với các yếu tố liên quan của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn”.

Giải trình của PTIC: Hiện tại Công ty Cổ phần PTIC-ZTE Công nghệ Viễn thông có dấu hiệu ngừng hoạt động do hoạt động không hiệu quả. Trong nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2019 đã thông qua việc xác định phương án cụ thể giải quyết việc giải thể công ty cổ phần PTIC-ZTE Công nghệ viễn thông.

3) Giải trình chênh lệch kết quả sản xuất kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế lũy kế từ đầu năm đến quý 2/2019 của Công ty PTIC là: 23.202.652.577 đồng (Lãi), so với số lợi nhuận sau thuế cùng kỳ năm trước là: (7.320.153.066), đồng (Lỗ). Có sự chênh lệch KQSXKD hơn 10% như trên là do:

- Trong quý 1 và quý 2 năm 2019, Công ty có thay đổi danh mục đầu tư, bán một số mã cổ phiếu đã đầu tư trong năm 2018 dẫn đến doanh thu hoạt động tài chính 6 tháng đầu năm 2019 tăng. Đồng thời, trong kỳ, Công ty mua lại một phần trái phiếu trước hạn nên giảm được chi phí tài chính.
- Do định hướng công ty chuyển dần sang lĩnh vực đầu tư tài chính, giảm dần tỷ trọng xây lắp, cơ cấu lại bộ máy nhân sự nên chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty giảm so với cùng kỳ năm 2018.
- Từ những nguyên nhân chính kể trên, kết quả sản xuất kinh doanh lũy kế từ đầu năm đến hết quý 2/2019 tăng hơn 30 tỷ so với cùng kỳ năm 2018.

Công ty CP đầu tư và xây dựng Bưu Điện xin giải trình đến Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước và Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận

- Như Kính gửi
- Lưu TCKT, TH

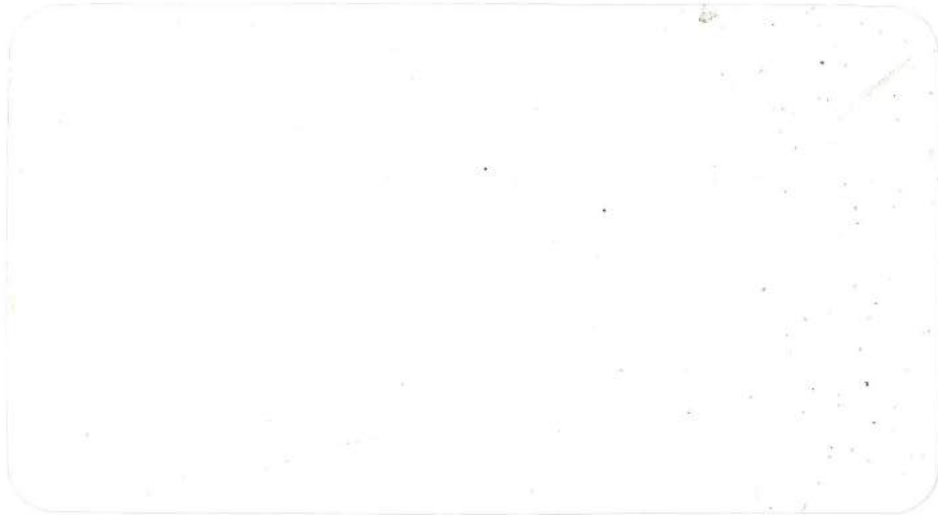


Nguyễn Công Khải



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA
NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	14 - 45

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Công ty” hoặc “Công ty mẹ”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty và các Công ty con (gọi tắt là “Tập đoàn”)

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 31/2004/QĐ-BBCVT ngày 09 tháng 07 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính Viễn thông. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006203 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 15 tháng 12 năm 2004. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung 10 lần các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi vốn điều lệ, người đại diện, bổ sung ngành nghề và thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 0248612360
- Fax : 0248611511

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp 3	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Xí nghiệp 5	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Xí nghiệp 7	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Tòa nhà Kim Tâm Hải, số 27 đường Trường Chinh, phường Tân Thới Nhất, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh (đã dừng hoạt động)

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng các công trình bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật;
- Xây dựng các công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học, thông gió, điều hòa và cấp thoát nước;
- Xây dựng nền móng công trình và kết cấu hạ tầng: Sân, cầu, đường, sân bay, bến cảng, đê điều, đường dây và trạm biến thế, cột anten;
- Đầu tư và kinh doanh chứng khoán./.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Phạm Thị Thu Hà	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Công Khởi	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Bà Trần Thị Kim Thoa	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Đức Lương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị An Ly	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày miễn nhiệm (*)
Ông Nguyễn Văn Phong	Trưởng ban	Ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Hoàng Trung Dũng	Thành viên	Ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Phạm Vĩnh Phú	Thành viên	Ngày 24 tháng 4 năm 2019

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 98/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 thông qua chấm dứt hoạt động ban kiểm soát và thành lập Ban kiểm toán nội bộ kể từ ngày 25 tháng 4 năm 2019.

Theo quyết định số 96/QĐ-HĐQT ngày 25 tháng 4 năm 2019, Hội đồng quản trị bổ nhiệm ông Phạm Vĩnh Phú – Trưởng ban kiểm toán nội bộ kể từ ngày 25 tháng 4 năm 2019.

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty là Ông Nguyễn Công Khởi (bổ nhiệm ngày 06 tháng 10 năm 2017).

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Công Khởi (bổ nhiệm ngày 06 tháng 10 năm 2017).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty mẹ sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Nguyễn Công Khởi

Ngày 28 tháng 8 năm 2019

9815
I NH
ÔNG
NHỆI
CÁN Y
A &
AI H
ĐA

Số: 2.0527/19/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các Công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2019, từ trang 07 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại thời điểm lập báo cáo này, Chúng tôi chưa thu thập đầy đủ xác nhận hoặc kiểm tra bằng các thủ tục kiểm toán thay thế đối với số dư các khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng, trả trước cho người bán ngắn hạn, phải thu ngắn hạn khác, phải trả người bán ngắn hạn và người mua trả tiền trước ngắn hạn, phải trả ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2019 của Công ty.

Chúng tôi chưa được tiếp cận với các hồ sơ ghi nhận giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 và thời điểm 30 tháng 6 năm 2019, với giá trị được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán lần lượt là 7.169.829.909 VND và 4.075.257.524 VND do các chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đã phát sinh lâu ngày. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, Chúng tôi chưa thể đưa ra ý kiến về tính hiện hữu về khoản mục này. Do đó chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đã được ghi nhận cũng như các yếu tố liên quan của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Cổ phần PTIC – ZTE Công nghệ Viễn thông (Công ty con của Công ty, sau đây gọi tắt là “Công ty PTZ”) đã dừng hoạt động từ năm 2017 và không lập Báo cáo tài chính từ năm 2018. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty PTZ, với tổng giá trị tài sản ngắn hạn là 8.214.666.472 VND, tổng giá trị tài sản dài hạn là 6.997.349.733 VND, tổng công nợ phải trả là 13.552.134.581 VND. Do đó chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với các yếu tố liên quan của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác.

Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ vào ngày 31 tháng 8 năm 2018 với dạng ý kiến từ chối đưa ra kết luận dựa trên các cơ sở liên quan đến không thể thu thập được các bằng chứng chứng minh tính hiện hữu của các khoản phải thu khách hàng tại 30 tháng 6 năm 2018; Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng nợ phải thu khách hàng, dự phòng hàng tồn kho và dự phòng vào Công ty con tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2018; Công ty chưa xử lý tài sản thiếu tại Xí nghiệp 7 và Chi nhánh Hồ Chí Minh tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2018 và không đủ cơ sở để đánh giá được ảnh hưởng của Báo cáo tài chính của Công ty PTZ đến báo cáo hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Bên cạnh đó, Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này cũng đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 12 tháng 4 năm 2019 với dạng ý kiến ngoại trừ kèm theo các vấn đề nhấn mạnh. Các vấn đề ngoại trừ liên quan vấn đề không thể đưa ra ý kiến về số dư đầu năm cũng như các ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu được trình bày tại 31 tháng 12 năm 2018; không thể xác định được tính hiện hữu của chi tiêu chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018; không thể thu thập được đầy đủ xác nhận của các khoản công nợ phải thu và phải trả tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018; không trích dự phòng đúng niên độ kế toán mà được trích toàn bộ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và không đủ cơ sở để đánh giá được ảnh hưởng của Báo cáo tài chính của Công ty PTZ đến báo cáo hợp nhất của Tập đoàn. Các vấn đề nhấn mạnh liên quan đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty do khoản lỗ lũy kế tại 31 tháng 12 năm 2018 và việc xử lý các khoản tồn đọng không có khả năng thu hồi từ nhiều năm trước vào kết quả kinh doanh năm 2018.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Lê Văn Khoa
Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		414.507.957.311	354.267.312.189
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10.555.418.793	5.204.506.049
1. Tiền	111		9.055.418.793	1.704.506.049
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.500.000.000	3.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		293.638.901.843	255.035.946.279
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	292.023.901.843	252.619.413.279
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(915.000.000)	(1.113.467.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	2.530.000.000	3.530.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		103.856.542.930	82.722.457.132
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	20.612.774.245	34.191.549.828
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6.248.566.743	6.272.921.743
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	83.353.299.583	48.900.197.500
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	43.913.615.974	44.825.882.981
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(50.271.713.615)	(51.468.094.920)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	5.668.044.213	8.693.014.193
1. Hàng tồn kho	141		10.177.015.497	13.201.985.477
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.508.971.284)	(4.508.971.284)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		789.049.532	2.611.388.536
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	2.702.747	10.034.599
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		629.613.562	556.767.677
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	156.733.223	2.044.586.260
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		133.113.608.803	132.103.089.852
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		56.815.000	56.815.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	56.815.000	56.815.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.943.677.273	1.996.209.091
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	1.943.677.273	1.996.209.091
<i>Nguyên giá</i>	222		5.306.084.480	10.401.679.314
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(3.362.407.207)	(8.405.470.223)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		378.200.000	378.200.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(378.200.000)	(378.200.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		12.624.197.695	12.624.197.695
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	12.624.197.695	12.624.197.695
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		118.421.635.352	117.336.470.338
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	118.421.635.352	117.336.470.338
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	4.930.000.000	4.930.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2d	(4.930.000.000)	(4.930.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		67.283.483	89.397.728
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	67.283.483	89.397.728
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		547.621.566.114	486.370.402.041

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		348.323.657.629	310.294.378.734
I. Nợ ngắn hạn	310		348.202.369.750	310.167.068.128
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	9.622.044.941	13.456.111.533
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	3.209.961.767	3.210.488.363
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	5.573.934.321	6.071.849.601
4. Phải trả người lao động	314		739.608.720	672.473.053
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	1.084.374.152	4.303.099.186
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	10.097.667.323	10.330.166.433
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	317.766.216.289	272.014.317.722
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		108.562.237	108.562.237
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		121.287.879	127.310.606
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	45.000.000	45.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.19	76.287.879	82.310.606
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		199.297.908.485	176.076.023.307
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	199.297.908.485	176.076.023.307
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		179.999.990.000	179.999.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		179.999.990.000	179.999.990.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		35.684.263.731	35.684.263.731
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(10.792.686.881)	(10.792.686.881)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		27.646.195.601	27.646.195.601
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(36.905.556.253)	(60.108.208.830)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(60.108.208.830)	(4.034.524.535)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		23.202.652.577	(56.073.684.295)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.665.702.287	3.646.469.686
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		547.621.566.114	486.370.402.041

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2019

Tổng Giám đốc

Đặng Thị Đoàn Trang

Trần Thị Len

Nguyễn Công Khởi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.813.184.618	12.093.005.588
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.813.184.618	12.093.005.588
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.764.571.452	12.443.041.315
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(1.951.386.834)	(350.035.727)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	36.059.112.399	7.839.299.883
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	14.385.346.150	12.717.278.686
Trong đó: chi phí lãi vay	23		14.444.729.322	12.273.773.228
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		6.900.737.597	7.441.259.036
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	191.500.745	623.211.692
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	1.048.548.990	5.194.520.438
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25.383.067.277	(3.604.487.624)
12. Thu nhập khác	31	VI.7	474.544.549	547.918.781
13. Chi phí khác	32	VI.8	2.630.213.862	2.036.627.331
14. Lợi nhuận khác	40		(2.155.669.313)	(1.488.708.550)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.227.397.964	(5.093.196.174)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	11.535.513	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.19	(6.022.727)	3.296.508.432
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23.221.885.178	(8.389.704.606)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		23.202.652.577	(7.320.153.066)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		19.232.601	(1.069.551.540)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.431	(452)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	1.431	(452)

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Công Khởi

Đặng Thị Đoan Trang

Trần Thị Len

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	23.227.397.964	(5.093.196.174)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	52.531.818	225.851.913
- Các khoản dự phòng	03	(1.394.848.305)	666.353.525
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.901.346.819)	(15.486.013.464)
- Chi phí lãi vay	06	-	12.273.773.228
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	10.983.734.658	(7.413.230.972)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	15.693.404.878	17.319.088.626
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	3.024.969.980	1.427.854.713
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(7.640.582.693)	(14.708.178.399)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	29.446.097	216.825.945
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(39.404.488.564)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	3.550.107.453	(12.385.707.580)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(44.006.116)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(13.763.408.191)	(15.587.353.783)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	81.818.182	205.454.544
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(122.100.000.000)	(3.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	88.646.897.917	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(35.953.769.880)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	3.583.230.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.371.363.487	207.428.020
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(22.999.920.414)	(35.757.657.308)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

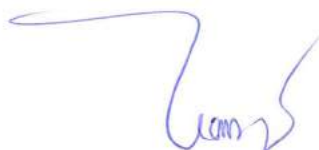
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	356.252.256.095	39.135.803.461
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(314.138.014.746)	(12.146.141.371)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(45.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	42.114.241.349	26.944.662.090
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	5.350.912.744	(24.400.349.001)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	5.204.506.049	29.445.872.122
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	10.555.418.793	5.045.523.121

Người lập biểu



Đặng Thị Đoan Trang

Kế toán trưởng



Trần Thị Len

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2019

Tổng Giám đốc



Nguyễn Công Khởi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp và kinh doanh chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là: xây lắp và kinh doanh chứng khoán.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần PTIC – ZTE Công nghệ viễn thông (sau đây gọi tắt là PTIC – ZTE)	Lô 17H2 khu đô thị Yên Hoà, phường Yên Hoà - Quận Cầu Giấy - Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh thiết bị công nghệ, viễn thông	72,97%	72,97%	72,97%	72,97%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện 1 (sau đây gọi tắt là PTIC1)	Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	68,09%	68,09%	68,09%	68,09%

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam VINA-OFC	Số 1, ngõ Núi Trúc, Giang Văn Minh, Ba Đình, Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh sợi cáp quang, thiết bị, vật tư công nghệ,	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính viễn thông	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Xã Tân Thành, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang	Sản xuất và Kinh doanh thủy điện	24,38%	24,38%	24,38%	24,38%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn có 11 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 32 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên/kiểm kê định kỳ.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ. Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
Tài sản cố định khác	05 – 25

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là Chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong .. tháng/năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

15. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu tại ngày đáo hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được giá.

19. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn đã tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.008.337.332	126.783.042
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.047.081.461	1.577.723.007
Các khoản tương đương tiền - tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	<u>1.500.000.000</u>	<u>3.500.000.000</u>
Cộng	<u>10.555.418.793</u>	<u>5.204.506.049</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu	292.023.901.843	329.657.654.000	(915.000.000)	252.619.413.279	322.574.244.400	(1.113.467.000)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông và In Bưu Điện Tổng công ty Viglacera	1.175.000.000	260.000.000	(915.000.000)	1.175.000.000	200.000.000	(975.000.000)
Tổng công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam	280.128.632.600	318.178.212.000		233.212.155.854	304.106.564.400	
Công ty Cổ phần Thủy điện Định Bình				4.985.467.000	4.847.000.000	(138.467.000)
Tổng công ty Cổ phần Bảo Minh	10.720.269.243	11.219.442.000				
Cộng	<u>292.023.901.843</u>	<u>329.657.654.000</u>	<u>(915.000.000)</u>	<u>252.619.413.279</u>	<u>322.574.244.400</u>	<u>(1.113.467.000)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.113.467.000)	(919.000.000)
Trích lập dự phòng bổ sung		(142.000.000)
Hoàn nhập dự phòng	198.467.000	
Số cuối kỳ	<u>(915.000.000)</u>	<u>(1.061.000.000)</u>

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 01 năm.

2c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Giá gốc	Số cuối kỳ	Cộng	Giá gốc	Số đầu năm	Cộng
		Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư			Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	
Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam VINA - OFC	14.210.875.000	8.554.527.155	22.765.402.155	14.210.875.000	9.053.650.723	23.264.525.723
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	84.116.216.677	11.540.016.520	95.656.233.197	84.116.216.677	9.955.727.938	94.071.944.615
Cộng	<u>98.327.091.677</u>	<u>20.094.543.675</u>	<u>118.421.635.352</u>	<u>98.327.091.677</u>	<u>19.009.378.661</u>	<u>117.336.470.338</u>

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam VINA - OFC	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Cộng
Giá trị phần sở hữu đầu năm	23.264.525.723	94.071.944.615	117.336.470.338
Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	197.549.015	6.703.188.582	6.900.737.597
Cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ	(696.672.583)	(5.118.900.000)	(5.815.572.583)
Giá trị phần sở hữu cuối kỳ	<u>22.765.402.155</u>	<u>95.656.233.197</u>	<u>118.421.635.352</u>

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Các công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu (Nậm Mu) Nhận cổ tức từ Nậm Mu	5.118.900.000	3.583.230.000
Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam VINA - OFC (VINA-OFC) Nhận cổ tức từ VINA - OFC	696.672.583	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh Tập đoàn đã dùng toàn bộ khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu để đảm bảo cho khoản trái phiếu phát hành của Công ty mẹ (xem thêm thuyết minh V.18).

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Cấp quang và Thiết bị Bưu điện. Công ty này đang lâm vào tình trạng phá sản nên theo quy định Tập đoàn đang trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư này với mức trích lập là 100%.

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	20.612.774.245	34.191.549.828
Công ty Viễn thông liên tỉnh	3.307.021.232	5.632.520.587
Tập đoàn Viễn thông Quân Đội	1.255.857.750	2.178.429.298
Viễn thông Nam Định	845.000.000	3.707.808.300
Viễn thông Sơn La	182.528.877	3.736.107.625
Viễn thông Bắc Ninh	1.762.544.637	1.762.544.637
Viễn thông Bà Rịa Vũng Tàu	1.403.052.719	1.403.052.719
Các khách hàng khác	11.856.769.030	15.771.086.662
Cộng	<u>20.612.774.245</u>	<u>34.191.549.828</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	6.248.566.743	6.272.921.743
Công ty Cổ phần Gang thép Vạn Lợi Phú Thọ	1.646.295.000	1.646.295.000
Công ty TNHH Xây dựng Hưng Nguyên	1.238.690.800	1.238.690.800
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Hà Bảo Châu	507.301.367	507.301.367
Các nhà cung cấp khác	2.856.279.576	2.880.634.576
Cộng	<u>6.248.566.743</u>	<u>6.272.921.743</u>

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	24.600.197.500	26.100.197.500
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly ^(b)	24.600.197.500	26.100.197.500
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	58.753.102.083	22.800.000.000
Ông Tạ Anh Tú - Giám đốc Xí nghiệp 7 ^(a)	400.000.000	400.000.000
Ông Trần Quang Ninh ^(c)	58.353.102.083	22.400.000.000
Cộng	<u>83.353.299.583</u>	<u>48.900.197.500</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- a. Khoản cho Ông Tạ Anh Tú vay theo hợp đồng số 3012/HĐVV-PTIC ngày 30 tháng 12 năm 2016 thời hạn vay là 06 tháng, và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/TAT-PTIC ngày 25 tháng 6 năm 2017 gia hạn thời hạn thời gian vay 18 tháng, vay với lãi suất 13,5%/ năm. Mục đích cho vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.
- b. Khoản cho vay Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly vay theo các hợp đồng vay vốn với thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày Công ty nhận được khoản vay theo từng đợt với lãi suất 11%/năm, mục đích cho vay là để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản cho vay này được đảm bảo bằng dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất xi măng và các phương tiện tài thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly. Theo Phụ lục hợp đồng ngày 30 tháng 05 năm 2019, gia hạn thời hạn vay của hợp đồng số 1107/HĐVV-PTIC-SDY ngày 11 tháng 07 năm 2017 và 3005/HĐVV-PTIC-SDY ngày 30 tháng 5 năm 2017 thành 36 tháng tính từ ngày Công ty nhận được khoản vay.
- c. Khoản cho ông Trần Quang Ninh vay với thời hạn vay dưới 12 tháng kể từ ngày nhận tiền vay với lãi suất 11%/năm, mục đích cho vay là để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Ông Ninh. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	9.188.712.348		7.768.112.718	
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly - lãi cho vay phải thu	9.188.712.348		7.768.112.718	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	34.724.903.626	(31.286.576.954)	37.057.770.263	(31.046.064.840)
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn			142.623.612	
Tiền lãi cho vay phải thu:	2.053.024.117		3.967.999.999	
- Ông Trần Quang Ninh	1.971.874.117		3.913.999.999	
- Ông Tạ Anh Tú	81.150.000		54.000.000	
Ký cược, ký quỹ	50.000.000		50.000.000	
Tạm ứng thi công công trình và sản xuất kinh doanh	23.133.280.409	(22.702.410.240)	23.477.486.285	(22.461.898.126)
Các khoản phải thu khác	9.488.599.100	(8.584.166.714)	9.419.660.367	(8.584.166.714)
Cộng	43.913.615.974	(31.286.576.954)	44.825.882.981	(31.046.064.840)

6b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan						
Các tổ chức và cá nhân khác						
Phải thu khách hàng	Trên 3 năm	12.791.365.798		Trên 3 năm	14.163.494.217	
Phải thu khách hàng	Từ 01 năm đến 02 năm	144.432.769	72.216.385	Từ 01 năm đến 02 năm	144.432.769	72.216.385
Trả trước cho nhà cung cấp	Trên 3 năm	6.121.554.479		Trên 3 năm	6.186.319.479	
Tạm ứng thi công công trình và sản xuất kinh doanh	Trên 3 năm	22.702.410.240		Trên 3 năm	22.461.898.126	
Các khoản phải thu khác	Trên 3 năm	8.584.166.714		Trên 3 năm	8.584.166.714	
Cộng		50.343.930.000	72.216.385		51.540.311.305	72.216.385

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(51.468.094.920)	(40.228.672.966)
Trích lập dự phòng bổ sung	1.196.381.305	982.285.554
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối kỳ	(50.271.713.615)	(39.246.387.412)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.526.025.911		8.551.675.891	
Hàng hóa	4.650.989.586	(4.508.971.284)	4.650.309.586	(4.508.971.284)
Cộng	10.177.015.497	(4.508.971.284)	13.201.985.477	(4.508.971.284)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí công cụ dụng cụ còn phải phân bổ.

9b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí công cụ dụng cụ còn phải phân bổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri, phường Mỹ Tri, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	2.155.085.098	4.317.016.468	2.463.920.863	1.465.656.885	10.401.679.314
Thanh lý, nhượng bán	(53.812.371)	(3.576.125.578)		(1.465.656.885)	(5.095.594.834)
Số cuối kỳ	2.101.272.727	740.890.890	2.463.920.863		5.306.084.480
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		740.890.890	2.463.920.863		3.204.811.753
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	158.876.007	4.317.016.468	2.463.920.863	1.465.656.885	8.405.470.223
Khấu hao trong kỳ	52.531.818				52.531.818
Thanh lý, nhượng bán	(53.812.371)	(3.576.125.578)		(1.465.656.885)	(5.095.594.834)
Số cuối kỳ	157.595.454	740.890.890	2.463.920.863	-	3.362.407.207
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.996.209.091				1.996.209.091
Số cuối kỳ	1.943.677.273				1.943.677.273
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

11. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm máy tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	589.446.250	589.446.250
- Mua đất tại Thành phố Hồ Chí Minh	589.446.250	589.446.250
Xây dựng cơ bản dở dang	12.034.751.445	12.034.751.445
- Dự án đất C30 Thành phố Hồ Chí Minh (*)	5.037.401.712	5.037.401.712
- Dự án xây dựng nhà máy sản xuất điện thoại Gphone của PTIC – ZTE (**)	6.997.349.733	6.997.349.733
Cộng	12.624.197.695	12.624.197.695

(*) Theo Quyết định số 246/QĐ-ĐTPT-HDQT ngày 19 tháng 9 năm 2003 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Công ty mẹ đã đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu C30 tại số 270 đường Lý Thường Kiệt, quận 10 và quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Hiện dự án đang tạm dừng triển khai. Công ty mẹ đang làm các thủ tục với bên liên quan để thu hồi vốn đầu tư.

(**) Dự án xây dựng nhà máy sản xuất điện thoại Gphone phát sinh từ năm 2009 của PTIC – ZTE. Hiện tại Công ty con đang ngừng hoạt động, toàn bộ tài sản liên quan đến dự án đang được xem xét thanh lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	530.256.450
Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam VINA - OFC		530.256.450
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	9.622.044.941	12.925.855.083
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Hồng Hà	397.562.250	1.529.935.141
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn	527.010.487	527.010.487
Các nhà cung cấp khác	8.697.472.204	10.868.909.455
Cộng	<u>9.622.044.941</u>	<u>13.456.111.533</u>

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	3.209.961.767	3.210.488.363
Ban Quản lý dự án thành phố Biên Hòa	509.000.000	509.000.000
Công ty TNHH MTV - Công ty TV Quản lý Dự án Khí	956.404.007	956.404.007
Tập đoàn Viễn thông Quân đội	879.054.735	879.054.735
Các khách hàng khác	865.503.025	866.029.621
Cộng	<u>3.209.961.767</u>	<u>3.210.488.363</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	726.677.653	2.044.586.260	2.158.584.802	(843.073.139)	154.336.279	156.733.223
Thuế xuất, nhập khẩu	422.521.846				422.521.846	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.639.516.354		11.535.513	(13.604.562)	3.637.447.305	
Thuế thu nhập cá nhân	166.753.209		258.316.470	(181.821.327)	243.248.352	
Các loại thuế khác, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.116.380.539		6.000.000	(6.000.000)	1.116.380.539	
Cộng	<u>6.071.849.601</u>	<u>2.044.586.260</u>	<u>2.434.436.785</u>	<u>(1.044.499.028)</u>	<u>5.573.934.321</u>	<u>156.733.223</u>

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.084.374.152</i>	<i>4.303.099.186</i>
Chi phí lãi vay phải trả	256.116.902	343.666.667
Các chi phí công trình và phải trả khác	828.257.250	3.959.432.519
Cộng	<u>1.084.374.152</u>	<u>4.303.099.186</u>

17. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>10.097.667.323</i>	<i>10.330.166.433</i>
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	81.316.083	114.312.787
Kinh phí công đoàn	27.512.838	18.900.418
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	28.380.115	1.743.905
Lãi vay cá nhân phải trả	1.210.983.183	1.210.983.183
Phải trả về cổ phần hóa	51.520.000	51.520.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.198.575.000	1.198.575.000
Phải trả các đội thi công chi phí công trình	7.241.525.025	7.393.053.833
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	257.855.079	341.077.307
Cộng	<u>10.097.667.323</u>	<u>10.330.166.433</u>

17b. Phải trả dài hạn khác

Là các khoản nhận ký cược, ký quỹ dài hạn.

17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>317.766.216.289</i>	<i>272.014.317.722</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	-	18.436.800.925
Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam ⁽ⁱ⁾	54.501.067.478	6.746.790.425
Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) ⁽ⁱ⁾	111.662.817.753	41.729.448.552

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn các cá nhân khác ⁽ⁱⁱ⁾	4.323.925.445	4.956.205.541
Vay ngắn hạn tại PTZ	411.738.943	411.738.943
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả ⁽ⁱⁱⁱ⁾	146.866.666.670	199.733.333.336
- Quỹ đầu tư Khám phá giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam	9.000.000.000	9.000.000.000
- Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	138.000.000.000	23.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch và Môi trường ECO&MORE		30.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		100.000.000.000
- Công ty Cổ phần SCI		38.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(133.333.330)	(266.666.664)
Cộng	317.766.216.289	272.014.317.722

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay giao dịch ký quỹ để đầu tư chứng khoán kinh doanh. Thời hạn và lãi suất của khoản vay được quy định trong từng phiếu đăng ký vay và theo quy định hiện hành của Công ty chứng khoán tại thời điểm đăng ký vay. Khoản vay được đảm bảo bằng chính chứng khoán đăng ký giao dịch ký quỹ.
- (ii) Khoản vay cá nhân là cán bộ công nhân viên Công ty mẹ và các đối tượng khác có lãi suất từ 8% đến 12% để phục vụ nhu cầu vốn lưu động của Công ty mẹ, thời hạn vay từ 01 đến 12 tháng.
- (iii) Ngày 28 tháng 12 năm 2016, Công ty mẹ đã chào bán trái phiếu với tổng giá trị là 200.000.000.000 VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100.000.000 VND). Trái phiếu phải hoàn trả sau 03 năm với lãi suất là 10,5%/năm cho hai kỳ tính lãi đầu tiên (kỳ tính lãi là 6 tháng/lần), và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng hoặc kỳ hạn thấp hơn gần nhất 12 tháng hoặc kỳ 365 ngày (nếu không có kỳ hạn 12 tháng) công bố tại Sở Giao dịch của bốn ngân hàng thương mại gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Tiền thu được để tăng quy mô vốn hoạt động và cơ cấu các khoản nợ của công ty. Mục đích phát hành trái phiếu để tăng quy mô vốn hoạt động và cơ cấu các khoản nợ của Công ty. Tài sản đảm bảo cho trái phiếu là cổ phiếu lưu ký tại Công ty Cổ phần Chứng khoán IB bao gồm:

Bên đảm bảo	Tài sản đảm bảo	Số lượng (cổ phiếu)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	5.118.900
Ông Võ Anh Linh ⁽ⁱ⁾	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	4.350.240
Ông Võ Anh Linh ⁽ⁱ⁾	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	2.065.062
Bà Phạm Thị Thu Hà ⁽ⁱ⁾	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	4.399.998

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- i. Các cá nhân trên là chủ sở hữu hợp pháp các cổ phiếu của Công ty, và các chứng khoán này được lưu ký tại Công ty Cổ phần Chứng khoán IB và đã thực hiện phong tỏa các cổ phiếu thuộc sở hữu của các cá nhân trên.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn các tổ chức khác	Vay ngắn hạn các cá nhân	Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	67.324.778.845	4.956.205.541	199.733.333.336	272.014.317.722
Số tiền vay phát sinh	341.152.256.095	15.100.000.000		356.252.256.095
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu			133.333.334	133.333.334
Lãi vay nhập gốc	3.455.827.965	48.495.919		3.504.323.884
Số tiền vay đã trả	(245.357.238.731)	(15.780.776.015)	(53.000.000.000)	(314.138.014.746)
Số cuối kỳ	<u>166.575.624.174</u>	<u>4.323.925.445</u>	<u>146.866.666.670</u>	<u>317.766.216.289</u>

Ngoài khoản vay tại Công ty PTZ chưa được thanh toán do đang ngừng hoạt động, Tập đoàn không có các khoản khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thu nhập nội bộ từ việc nhượng bán tài sản cố định của Công ty mẹ cho PTIC 1 và chi phí khấu hao trong kỳ của tài sản này. Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	82.310.606
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(6.022.727)
Số cuối kỳ	<u>76.287.879</u>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	179.999.990.000	35.684.263.731	(10.792.686.881)	27.749.199.570	(14.131.006.614)	15.302.280.620	233.812.040.426
Lợi nhuận trong kỳ trước					(7.320.153.066)	(1.069.551.540)	(8.389.704.606)
Thoái vốn tại Công ty con				(103.003.969)	195.696.519	(9.907.869.101)	(9.815.176.551)
Chia cổ tức, lợi nhuận					8.998.921	(45.000.000)	(45.000.000)
Tăng/giảm khác						(8.998.921)	
Số dư cuối kỳ trước	<u>179.999.990.000</u>	<u>35.684.263.731</u>	<u>(10.792.686.881)</u>	<u>27.646.195.601</u>	<u>(21.246.464.240)</u>	<u>4.270.861.058</u>	<u>215.562.159.269</u>
Số dư đầu năm nay	179.999.990.000	35.684.263.731	(10.792.686.881)	27.646.195.601	(60.108.208.830)	3.646.469.686	176.076.023.307
Lợi nhuận trong kỳ này					23.202.652.577	19.232.601	23.221.885.178
Số dư cuối kỳ này	<u>179.999.990.000</u>	<u>35.684.263.731</u>	<u>(10.792.686.881)</u>	<u>27.646.195.601</u>	<u>(36.905.556.253)</u>	<u>3.665.702.287</u>	<u>199.297.908.485</u>

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bà Phạm Thị Thu Hà	87.111.380.000	87.111.380.000
Ông Võ Anh Linh	43.800.000.000	43.800.000.000
Các cổ đông khác	31.188.610.000	31.188.610.000
Cổ phiếu quỹ	17.900.000.000	17.900.000.000
Cộng	<u>179.999.990.000</u>	<u>179.999.990.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.999.999	17.999.999
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	17.999.999	17.999.999
- Cổ phiếu phổ thông	17.999.999	17.999.999
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.790.000	1.790.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.790.000	1.790.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.209.999	16.209.999
- Cổ phiếu phổ thông	16.209.999	16.209.999
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

21a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 436 USD (số đầu năm là 436 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	293.827.651	1.959.381.850
Doanh thu cung cấp dịch vụ	99.049.909	77.459.760
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.420.307.058	10.056.163.978
Cộng	<u>1.813.184.618</u>	<u>12.093.005.588</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	499.250.009	1.815.943.676
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	87.163.920	61.967.807
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	3.178.157.523	10.565.129.832
Cộng	<u>3.764.571.452</u>	<u>12.443.041.315</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.918.791.040	4.300.341.727
Lãi kinh doanh chứng khoán	32.140.321.359	3.538.958.156
Cộng	36.059.112.399	7.839.299.883

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	14.444.729.322	12.273.773.228
Lỗ kinh doanh chứng khoán	14.999.500	
Dự phòng dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(198.467.000)	142.000.000
Chi phí tài chính khác	124.084.328	301.505.458
Cộng	14.385.346.150	12.717.278.686

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	62.400.000	56.384.260
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.500.000	36.255.042
Các chi phí khác	42.600.745	530.572.390
Cộng	191.500.745	623.211.692

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.169.255.312	1.125.349.429
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	222.631.928	398.516.580
Chi phí khấu hao tài sản cố định	52.531.818	14.697.235
Thuế, phí và lệ phí	12.580.310	2.000.000
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(1.042.957.455)	524.353.525
Chi phí dịch vụ mua ngoài	428.498.052	2.825.529.782
Các chi phí khác	206.009.025	304.073.887
Cộng	1.048.548.990	5.194.520.438

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	81.818.182	205.454.545
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng và các dịch vụ đi kèm	312.984.760	321.389.563
Thu nhập khác	79.741.607	21.074.673
Cộng	474.544.549	547.918.781

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mê Trì, phường Mê Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Nộp phạt vi phạm hành chính, hợp đồng		900.000.000
Giá trị xây lắp dở dang đã hết doanh thu		532.814.596
Chi phí thuê mặt bằng	288.344.410	293.273.352
Chi phí hoàn thiện hồ sơ thu hồi công nợ	43.000.000	
Các khoản thuế không được khấu trừ, thuế bị truy thu	2.128.542.037	
Chi phí khác	170.327.415	310.539.383
Cộng	2.630.213.862	2.036.627.331

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	23.202.652.577	(7.320.153.066)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát		
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	23.202.652.577	(7.320.153.066)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	16.209.999	16.209.999
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.431	(452)

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	445.263.856	797.033.160
Chi phí nhân công	1.169.255.312	1.125.349.429
Chi phí khấu hao tài sản cố định	52.531.818	225.851.913
Chi phí dịch vụ mua ngoài	515.661.972	5.425.827.574
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(1.042.957.455)	524.353.525
Chi phí khác	206.009.025	2.683.761.850
Cộng	1.345.764.528	10.782.177.451

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ, Công ty mẹ đã hạch toán lãi vay nhập gốc vay số tiền là 3.504.323.884 VND và hạch toán tăng gốc vay trái phiếu phải trả tương ứng với chi phí phát hành phân bổ là 133.333.334 VND.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Cam kết bảo lãnh

Ông Võ Anh Linh và Bà Phạm Thị Thu Hà đã dùng các cổ phiếu thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho trái phiếu phát hành của Công ty mẹ. (xem thuyết minh số V.18).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập trong kỳ của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ bao gồm các khoản lương và phụ cấp với tổng số tiền là 279.380.338 VND (cùng kỳ năm trước là 314.016.626 VND)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam VINA - OFC ⁽ⁱⁱⁱ⁾

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu ^(iv)

Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly

Mối quan hệ

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty có cùng thành viên Ban điều hành quan trọng

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tập đoàn chỉ còn phát sinh giao dịch thu lãi tiền cho vay trong kỳ với Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly, số tiền: 1.435.266.484 VND (cùng kỳ năm trước là 2.383.680.367 VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3., V.4, V.5, V.6, V.13, V.14 và V.17.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác (ngoại trừ khoản phải thu Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly) không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Tập đoàn cung cấp.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực đầu tư và kinh doanh chứng khoán
- Lĩnh vực xây lắp và cung cấp dịch vụ khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực đầu tư và kinh doanh chứng khoán	Lĩnh vực xây lắp và cung cấp dịch vụ khác	Cộng
Kỳ này			
Thu nhập	32.140.321.359	1.813.184.618	33.953.505.977
Chi phí	(5.196.398.928)	(3.764.571.452)	(8.960.970.380)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	26.943.922.431	(1.951.386.834)	24.992.535.597
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(1.240.049.735)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			23.752.485.862
Doanh thu hoạt động tài chính không phân bổ theo bộ phận			3.918.791.040
Chi phí tài chính không phân bổ theo bộ phận			(9.188.947.222)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			6.900.737.597
Thu nhập khác			474.544.549
Chi phí khác			(2.630.213.862)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(11.535.513)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			6.022.727
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			23.221.885.178

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ trước			
Thu nhập	3.538.958.156	12.093.005.588	15.631.963.744
Chi phí	(2.358.667.575)	(12.443.041.315)	(14.801.708.890)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	<u>1.180.290.581</u>	<u>(350.035.727)</u>	830.254.854
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(5.817.732.130)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			<u>(4.987.477.276)</u>
Doanh thu hoạt động tài chính không phân bổ theo bộ phận			4.300.341.727
Chi phí tài chính không phân bổ theo bộ phận			(10.358.611.111)
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			7.441.259.036
Thu nhập khác			547.918.781
Chi phí khác			(2.036.627.331)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			<u>(3.296.508.432)</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			<u>(8.389.704.606)</u>

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực đầu tư và kinh doanh chứng khoán	Lĩnh vực xây lắp và cung cấp dịch vụ khác	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	291.108.901.843	14.234.065.268	305.342.967.111
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			<u>242.278.599.003</u>
Tổng tài sản			<u>547.621.566.114</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>166.163.885.231</u>	<u>25.647.466.054</u>	191.811.351.285
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			<u>156.512.306.344</u>
Tổng nợ phải trả			<u>348.323.657.629</u>
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>251.505.946.279</u>	<u>29.941.051.669</u>	281.446.997.948
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			<u>204.923.404.093</u>
Tổng tài sản			<u>486.370.402.041</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>66.913.039.902</u>	<u>30.131.503.330</u>	97.044.543.232
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			<u>213.249.835.502</u>
Tổng nợ phải trả			<u>310.294.378.734</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	43.227.797.247	(9.036.247.419)	34.191.549.828
Phải thu ngắn hạn khác	136	36.203.881.127	8.622.001.854	44.825.882.981
Hàng tồn kho	141	13.502.579.014	(300.593.537)	13.201.985.477
Giá trị hao mòn lũy kế của TSCĐHH	223	(8.415.508.102)	10.037.879	(8.405.470.223)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	111.746.068.964	5.590.401.374	117.336.470.338
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14.183.883.342	(727.771.809)	13.456.111.533
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	2.266.052.856	944.435.507	3.210.488.363
Phải trả ngắn hạn khác	319	9.369.468.423	960.698.010	10.330.166.433
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	1.641.607.273	(1.641.607.273)	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(66.184.275.947)	6.076.067.117	(60.108.208.830)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	4.420.683.511	(774.213.825)	3.646.469.686

4. Thông tin về khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tập đoàn vẫn còn khoản lỗ lũy kế là 36.905.556.253 VND VND. Tuy nhiên Công ty mẹ dự kiến lãi từ việc chuyển nhượng các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh của Công ty mẹ và cổ tức nhận được từ các công ty liên kết hoàn toàn có thể bù đắp được khoản lỗ lũy kế của Tập đoàn dần qua các năm. Do đó Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 vẫn được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Thông tin khác

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán và có thực hiện điều chỉnh một số chỉ tiêu như thuyết minh VIII.3. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được soát xét. Các báo cáo tài chính của năm 2018 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đặng Thị Đoàn Trang

Trần Thị Len

Nguyễn Công Khởi



HEAD OFFICE

02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: 028. 3 5472 972 Fax: 028. 3 5472 970 kttv@a-c.com.vn

Branch in Hanoi

40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi
Tel: 024. 3 736 7879
Fax: 024. 3 736 7869
kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang

Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban
Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City
Tel: 0258. 3 876 555
Fax: 0258. 3 875 327
kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Can Tho

I5-13 Vo Nguyen Giap St.,
Cai Rang Dist., Can Tho City
Tel: 0292. 3 764 995
Fax: 0292. 3 764 996
kttv.ct@a-c.com.vn